

Số: 16 /2015/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 10 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Đắk Nông



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;
Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp tiêu thụ nước sạch;
Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 47/TTr-SNN ngày 17 tháng 3 năm /2015 và Báo cáo số 703/BC-SNN ngày 04 tháng 6 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng Ban Dân tộc; Giám đốc Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Nguyễn Đức Luyện*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Công báo tỉnh, Báo Đắk Nông;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- PCVP: Hoàng Văn Thuần;
- Lưu VT, NN (Ho)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Luyện



QUY ĐỊNH

**Về quản lý, sử dụng và khai thác các công trình
cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2015/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 6 năm 2015 của UBND tỉnh Đắk Nông)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định một số nội dung trong hoạt động của các tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và từ các nguồn tài trợ của tổ chức quốc tế, các tổ chức khác thông qua nhà nước có sự tham gia đóng góp của nhân dân.

2. Đối tượng áp dụng:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn.
- Các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung được đầu tư từ các nguồn vốn khác khuyến khích áp dụng Quy định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Công trình cấp nước bằng động lực là công trình sử dụng máy bơm để bơm nước vào đường ống dẫn nước và phân phối nước.
2. Công trình cấp nước bằng trọng lực là công trình được sử dụng nước tự chảy vào đường ống dẫn nước và phân phối nước.
3. Công trình nối mạng là công trình sử dụng nguồn nước từ công trình khác để cấp cho đối tượng được hưởng lợi.
4. Công trình cấp nước nhỏ lẻ là công trình có quy mô phục vụ cho một hoặc một vài hộ gia đình; hình thức khai thác là giếng khoan, giếng đào, bể chứa nước mưa.
5. Công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung là công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ an sinh xã hội, nhằm khai thác nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt cho nhân dân khu vực nông thôn (không bao gồm các thị trấn, thị tứ đã được đầu tư theo chương trình cấp nước của tỉnh).
6. Nước sinh hoạt là nước có nguồn gốc tự nhiên hoặc đã qua xử lý có các chỉ tiêu đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt đun sôi sử dụng không ảnh hưởng đến sức khỏe.

7. Đơn vị quản lý công trình là tổ chức, cá nhân được UBND tỉnh giao công trình để trực tiếp quản lý, sử dụng và khai thác gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; doanh nghiệp.

8. Nước ăn uống là nước tự nhiên hoặc đã qua xử lý có các chỉ tiêu đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 02:2009/BYT ngày 17 tháng 06 năm 2009 của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt.

9. Đơn vị cấp nước bán buôn là đơn vị cấp nước thực hiện việc bán nước sạch hợp vệ sinh cho một đơn vị cấp nước khác để phân phối.

10. Đơn vị cấp nước bán lẻ là đơn vị cấp nước thực hiện việc bán nước sạch trực tiếp đến hộ sử dụng nước.

11. Khách hàng sử dụng nước là tổ chức, cá nhân và hộ gia đình mua nước sạch của đơn vị cấp nước.

12. Mạng lưới cấp nước là hệ thống đường ống truyền dẫn nước sạch từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ.

13. Sửa chữa nhỏ là loại sửa chữa mang tính chất thường xuyên trong năm, nhằm duy trì sự hoạt động bình thường cho công trình.

14. Phần chênh lệch bù tiền nước là phần chênh lệch giữa thu và chi, nếu thu nhỏ hơn chi, phần này ngân sách cấp bù.

15. Sửa chữa lớn là loại sửa chữa mang tính chất định kỳ nhằm bảo đảm công trình hoạt động bền vững.

Điều 3. Phân loại công trình

1. Công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung không sử dụng công nghệ xử lý nước. Đây là những công trình được xây dựng có quy mô nhỏ, không dùng hệ thống xử lý nước, nước được bơm từ giếng lên cấp trực tiếp cho hộ sử dụng nước, công trình sử dụng bơm một cấp.

2. Công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung có sử dụng công nghệ xử lý nước (những công trình có quy mô vừa và lớn) sử dụng công nghệ xử lý nước trước khi đưa vào cấp cho người dùng nước, hệ thống bơm thường sử dụng 2 hoặc 3 cấp.

Điều 4. Nguyên tắc khai thác, sử dụng nguồn nước

Việc tổ chức khai thác nguồn nước để cung cấp cho các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn thực hiện theo quy định tại Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Tài nguyên nước.

Điều 5. Vùng bảo vệ, vệ sinh đối với công trình cấp nước

Vùng bảo vệ vệ sinh đối với công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn, việc khai thác nguồn nước mặt, khai thác nguồn nước ngầm, công trình xử lý, đường ống dẫn nước tuân theo tiêu chuẩn TCXDVN 33:2006 ngày 17 tháng 03

năm 2006 của Chính phủ về Cấp nước - Mạng lưới cấp nước công trình - Tiêu chuẩn thiết kế.

Sau khi đưa công trình vào sử dụng, khai thác phải thực hiện quy trình, vận hành, bảo trì đúng quy định.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 6. Tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, khai thác

1. Đối với những công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung được đầu tư xây dựng mới và công trình được đầu tư nâng cấp, mở rộng.

a) Các công trình do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ đầu tư: UBND tỉnh giao Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, khai thác, sử dụng; hoặc theo yêu cầu của nhà tài trợ phải giao Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn quản lý, khai thác, vận hành và thực hiện nhiệm vụ cấp nước bán lẻ trực tiếp đến khách hàng sử dụng nước.

b) Các công trình do UBND các huyện và các chủ đầu tư khác quản lý, khai thác:

- Chủ đầu tư có trách nhiệm xác định đơn vị quản lý, khai thác, sử dụng công trình từ giai đoạn lập dự án đầu tư, đến khi công trình hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn) tham mưu cho UBND tỉnh giao tài sản theo hướng dẫn tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung.

2. Đối với những công trình hiện có

- Các công trình đang hoạt động: Theo quyết định bàn giao quản lý vận hành và khai thác của UBND tỉnh ban hành.

- Các công trình hư hỏng hoàn toàn, hư hỏng một phần: Theo nhu cầu sử dụng nước của người dân tại địa bàn có công trình cấp nước sạch (có biên bản bàn giao), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với UBND huyện, thị xã có công trình đề xuất các giải pháp nâng cấp, sửa chữa và tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo xử lý.

Điều 7. Định biên nhân sự vận hành, duy tu, bảo dưỡng

Căn cứ tính chất và đặc điểm cụ thể của công trình, các đơn vị quản lý, khai thác quyết định số lượng người cần thiết để vận hành, khai thác công trình đảm bảo đạt hiệu quả cao nhất, an toàn, bền vững về kỹ thuật và bền vững về tài chính; khuyến khích tiếp nhận con em tại địa phương, trong tỉnh đã tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp thuộc lĩnh vực cấp nước và môi trường.

Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn định kỳ tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho công nhân vận hành các trạm cấp nước trên toàn tỉnh và cấp chứng nhận đã qua khóa bồi dưỡng.

Công trình sau khi xây dựng xong đưa vào sử dụng, đơn vị quản lý phải xây dựng kế hoạch bảo trì bảo dưỡng công trình thường xuyên và định kỳ theo quy định.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tham gia quản lý, khai thác, sử dụng công trình cấp nước

1. Đối với UBND xã

a) Vận động nhân dân tham gia sử dụng nước sạch và đóng góp kinh phí để mở mạng cấp nước đến hộ gia đình; tổ chức quản lý khai thác vận hành các công trình được UBND tỉnh giao theo Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.

b) Phối hợp cùng với đơn vị chức năng tổ chức kiểm tra, bảo vệ công trình và bảo vệ nguồn nước.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn và phê duyệt quy chế hoạt động cụ thể cho các công trình thuộc UBND xã quản lý.

2. Đối với các đơn vị quản lý, khai thác, sử dụng các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung.

a) Quản lý, vận hành theo quy trình đã được xây dựng, khai thác và duy tu bảo dưỡng thường xuyên công trình; đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt theo năng lực, nhiệm vụ của từng công trình; định kỳ tự kiểm tra chất lượng nước theo quy định, để bảo đảm cung cấp nước đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng theo quy định của Bộ Y tế.

b) Theo dõi, kiểm tra, ghi chép nhật ký quản lý, vận hành công trình; kịp thời phát hiện, xử lý các sự cố, sửa chữa nhỏ công trình đảm bảo công trình hoạt động bình thường.

c) Tham khảo ý kiến, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Đối với các tổ chức cá nhân, hộ gia đình

a) Tham gia bảo vệ công trình, trường hợp công trình bị sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố thì phải tham gia ứng cứu, sửa chữa, bảo vệ công trình theo chỉ dẫn của cán bộ kỹ thuật và huy động của địa phương.

b) Khi phát hiện công trình có nguy cơ bị hỏng, bị phá hoại, xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố, người phát hiện có trách nhiệm ngăn chặn, khắc phục (nếu có thể). Đồng thời, báo ngay cho đơn vị quản lý công trình để xử lý kịp thời.

c) Không được tự ý cắt, đầu nối ống dẫn nước, đầu nối các thiết bị lấy nước vào mạng lưới cấp nước của đơn vị cấp nước quản lý; nghiêm cấm các hành vi trộm cắp nước dưới mọi hình thức.

d) Sử dụng nước tiết kiệm, đúng mục đích sử dụng nước, trả tiền phí nước theo quy định.

Điều 9. Quy định thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước

Giá tiêu thụ nước sạch của đơn vị cấp nước được xác định cho từng mục đích sử dụng nước khác nhau được quy định tại Điều 9 Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2012 hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn; khoản 2 Điều 54 Nghị định số 117/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp giá tiêu thụ nước sạch.

Điều 10. Các khoản thu đối với các tổ chức quản lý, khai thác công trình

1. Thu tiền sử dụng nước hàng tháng của khách hàng sử dụng nước theo khối lượng đo đếm được trên đồng hồ hoặc thu khoán hộ gia đình sử dụng nước từ vòi công cộng theo quy định.

2. Thu tiền vật tư, nhân công lắp đặt hệ thống nước từ đường ống phân phối (do Nhà nước đầu tư) vào hộ gia đình theo quy định hiện hành.

3. Các khoản thu hợp lý khác theo quy định hiện hành.

Điều 11. Các khoản chi đối với các tổ chức quản lý, khai thác công trình

1. Chi phí vật tư trực tiếp.

2. Chi phí nhân công trực tiếp.

3. Chi phí sản xuất chung.

4. Chi phí quản lý chung.

5. Chi phí bán hàng.

Điều 12. Chế độ trả lương, phụ cấp cho người làm công tác quản lý, vận hành và bảo vệ công trình

Chế độ trả lương, trả công cho người làm công tác quản lý vận hành công trình theo quy định hiện hành.

Điều 13. Quản lý tài chính, tài sản

1. Các đơn vị quản lý, khai thác công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định của nhà nước đối với từng loại hình hoạt động cụ thể.

2. Các đơn vị quản lý, khai thác công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn có trách nhiệm quản lý, sử dụng các nguồn tài chính, sử dụng tài sản có hiệu quả, bảo đảm tiết kiệm và thực hiện đầy đủ chế độ kế toán theo quy định của nhà nước.

3. Đơn vị quản lý có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí duy tu, bảo dưỡng công trình. Nếu sửa chữa nhỏ sử dụng kinh phí của các khoản thu tại điều 10 của quy định này; nếu sửa chữa lớn, nâng cấp mở rộng công trình kinh phí do ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác hỗ trợ.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các Sở, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; công tác đầu tư xây dựng cơ bản về sửa chữa lớn, nâng cấp. Chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch, kỹ thuật, giám sát chất lượng nước về quản lý, khai thác, sử dụng và phát triển các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh.

b) Tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh và UBND tỉnh về tình hình thực hiện quản lý, khai thác, vận hành công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh.

c) Xây dựng kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ các công trình, các tổ chức quản lý, vận hành, khai thác công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung và tổ chức đào tạo, tập huấn cho người trực tiếp quản lý, vận hành, bảo vệ công trình.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Kế hoạch Chương trình Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn của tỉnh và trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện cân đối, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí vốn kế hoạch hàng năm cho các đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

Tham mưu giúp UBND tỉnh về cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động điều tra, thăm dò, khai thác sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo phân cấp, kiểm tra việc thực hiện.

4. Sở Y tế

Có trách nhiệm chỉ đạo Trung tâm Y tế Dự phòng, Phòng Y tế cấp huyện, tổ chức giám sát, kiểm tra định kỳ chất lượng nước sạch theo quy định của Bộ Y tế; trong quá trình thực hiện tránh tình trạng làm hoang mang trong nhân dân.

5. Sở Tài chính

Có trách nhiệm thẩm định phương án giá nước sạch do đơn vị cấp nước và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, trình UBND tỉnh quyết định; kiểm tra định kỳ để đánh giá lại tài sản khi có nhu cầu; kiểm tra quyết toán thu, chi tiền nước hàng năm và đề xuất, tham mưu UBND tỉnh cấp bù giá nước (nếu có).

6. Các tổ chức chính trị xã hội các cấp

Thường xuyên tuyên truyền giáo dục, phổ biến tới nhân dân tham gia tích cực vào Chương trình Mục tiêu Quốc gia về Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Chấp hành tốt các quy định về

bảo vệ lưu vực, bảo vệ môi trường và bảo vệ công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung là trách nhiệm của toàn xã hội.

Điều 15. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã

1. UBND các huyện, thị xã có trách nhiệm thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước đối với Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn ở địa phương; bố trí cán bộ thuộc Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế theo dõi chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn huyện. Chỉ đạo UBND các xã thành lập các tổ chức quản lý, khai thác, vận hành, sử dụng các công trình nước sinh hoạt nông thôn tập trung.

2. Cân đối ngân sách, đóng góp kinh phí xây dựng để duy tu sửa chữa công trình cấp nước theo Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-BNN-BTC-BKH&ĐT ngày 16 tháng 01 năm 2013 của Liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư.

3. Kiểm tra quyết toán thu, chi tiền nước hàng năm đối với các xã được UBND tỉnh giao quản lý vận hành các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung, để có cơ sở cấp bù giá nước hoặc đề xuất, tham mưu UBND tỉnh cấp bù giá nước (nếu có).

Điều 16. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. UBND cấp xã có trách nhiệm thực hiện tốt chức năng về quản lý nhà nước đối với chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (các công trình được UBND tỉnh giao trực tiếp quản lý vận hành khai thác trên địa bàn) theo Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung.

2. Thành lập các tổ chức quản lý khai thác vận hành tốt các công trình nước sinh hoạt nông thôn được giao.

3. Báo cáo quyết toán thu, chi tiền nước các công trình trên địa bàn quản lý.

Điều 17. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

1. Thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng. Trong quá trình chuẩn bị đầu tư phải lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư và chính quyền địa phương về công trình dự kiến xây dựng; có cam kết sử dụng nước và trả tiền sử dụng nước của hộ dân.

2. Xác định rõ kinh phí duy tu, bảo dưỡng công trình trong dự án.

3. Phối hợp với chính quyền địa phương xác định đơn vị quản lý công trình.

Điều 18. Trách nhiệm của đơn vị quản lý công trình

1. Có trách nhiệm cử người tham gia trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án; nghiệm thu và tiếp nhận công trình đưa vào khai thác, sử dụng khi đảm bảo đầy đủ các thủ tục, hồ sơ theo quy định.

2. Lập phương án quản lý, vận hành khai thác trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời, thực hiện quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, bảo dưỡng theo phương án được duyệt.

3. Thực hiện công tác kế toán, báo cáo về quản lý, sử dụng và khai thác công trình theo đúng quy định.

Điều 19. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Khen thưởng: Các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý và bảo vệ công trình cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn sẽ được xét biểu dương, khen thưởng (theo Luật Thi đua khen thưởng).

2. Xử lý vi phạm: Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định này hoặc có hành vi phá hoại công trình cấp nước sinh hoạt và vệ sinh nông thôn sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Điều khoản thi hành

Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có hoạt động liên quan đến công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có trách nhiệm thực hiện quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh thì các cơ quan, đơn vị báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.
